

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2025/HS-ST
Ngày 11/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Từ Anh Tuấn;
- Ông Trần Đình Thừa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2025 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân khu vực 16, thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 212/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐHPT-HS ngày 25 tháng 7 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Phạm Thanh Q, sinh năm 1988, tại thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 49/15 Khu phố T, phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N, sinh năm 1956 và bà Võ Thị G, sinh năm 1955; bị cáo có 03 anh chị, em ruột, lớn sinh năm 1982, nhỏ nhất là bị cáo; bị cáo có vợ tên Lê Hồng Thùy D, sinh năm 1992 (đã ly hôn), bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 30/7/2004, Tòa án nhân dân tối cao Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành án tại trại giam T5. Đã xóa án tích.

- Ngày 14/11/2008 Tòa án nhân dân quận 9 (nay là thành phố T), thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù, chấp hành án tại trại giam C1. Đã xóa án tích.

- Ngày 11/03/2011 Tòa án nhân dân quận 9 (nay là thành phố T), thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành án tại trại giam T6 - Bộ C2. Đã xóa án tích.

Ngày 16/01/2006 UBND quận I (nay là thành phố T), thành phố Hồ Chí Minh đưa vào Trường G2 theo QĐ số 17 ngày 09/01/2006. Chấp hành xong ngày 20/11/2007 theo QĐ số 11B ngày 20/11/2007.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ 22/12/2024 cho đến nay (Bắt người phạm tội quả tang). Có mặt

2. Đinh Nguyễn Hoàng Kim T, sinh năm 1994 tại thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A đường số A, khu phố D, phường L, Thành phố T, Hồ Chí M; chỗ ở: 4 khu phố T, phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1957 (đã chết) và bà Đinh Kim L; sinh năm 1953; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2024 cho đến nay (Bắt người phạm tội quả tang).

3. Nguyễn Thái S, sinh năm 1987 tại thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 123/3 Đ, Khu phố A, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 6 đường số D, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thái S1, sinh năm 1949 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Cẩm V; sinh năm 1955; bị cáo có 01 anh em, sinh năm 1990; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2024 cho đến nay (bắt người phạm tội quả tang). Có mặt

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1969; địa chỉ: Số A, Khu phố B, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt

2. Ông Quách Hải A, sinh năm 1982; địa chỉ: Số G đường X, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

3. Quách Hải L1, sinh năm: 1997; địa chỉ: Khu phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Nguyễn Hoàng Kim T và Phạm Thanh Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 tại nhà số D, khu phố T, phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh nhưng chưa đăng ký kết hôn và cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy từ năm 2016 cho đến khi bị bắt. Ngoài ra, do không có nghề nghiệp ổn định nên cả hai đã đi mua ma túy về nhằm mục đích sử dụng và bán ma túy nhiều lần cho Nguyễn Thái S, Nguyễn Ngọc T2 và Quách Hải A bằng hình thức bỏ ma túy vào nỏ thủy tinh rồi đốt lên cho các đối tượng sử dụng và thu tiền tại chỗ hoặc nếu các đối tượng sau khi hút xong nếu có nhu

cầu mua ma túy mang về thì Q và T sẽ bán cho các con nghiện để kiếm lời cụ thể như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 22/12/2024, khi Q và T đang ngủ ở trên gác tại nhà số D khu phố T, phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh thì Nguyễn Ngọc T2 đến và đi lên bỏ trên đầu giường của Q 200.000 đồng mục đích để sử dụng ma túy tại nhà của Q. Khoảng 05 phút sau, khi Q và T tỉnh dậy thì nhìn thấy 200.000 đồng của T2 nên T và Q hiểu là T2 đến để mua ma túy để sử dụng ma túy tại nhà thì Q đồng ý. Nhưng do đã hết ma túy nên Q bỏ thêm 300.000 đồng và lấy thêm 200.000 đồng của T2 để đi mua ma túy. Sau đó, Q đón xe mô tô Công nghệ Grap đi đến cầu “Ông B”, thuộc phường B, thành phố Hồ Chí Minh liên hệ với một phụ nữ tên T3 qua zalo (không rõ nhân thân, lai lịch) mua 500.000 đồng ma túy đá thì được người nữ bán cho Q 01 gói ma túy. Mua được ma túy Q quay về nhà, lên phòng ngủ ngồi chia nhỏ số ma túy mua được thành 04 túi nylon miệng kéo dính chứa ma túy đá. Tiếp đó, Q trực tiếp lấy 02 túi nhỏ chứa ma túy đổ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy có sẵn, rồi Q gọi T2 “Anh ơi” tức gọi T2 lên phòng ngủ của Q để sử dụng ma túy, (do T2 đã sử dụng bằng hình thức như trên 9-10 lần tại nhà Q) nên khi Q gọi là T2 hiểu lên để sử dụng ma túy. Tại đây, Q dùng bật lửa đốt lên và sử dụng, rồi đưa cho T2 sử dụng. Lúc này, T ngủ dậy thấy ma túy nên tự ngồi xuống hút ma túy. Đến 08 giờ 40 phút cùng ngày khi Q, T, T2 đang ngồi sử dụng ma túy thì Quách Hải A (là bạn của Q) đến xin sử dụng ma túy (nhưng A không có tiền trả) thì Q đồng ý nên A tự lấy ma túy có sẵn trong nỏ thủy tinh sử dụng. Đến khoảng 09 giờ thì Nguyễn Thái S đến và ngồi xuống tự lấy ma túy trong nỏ thủy tinh sử dụng với Q, T, T2 và A. Sau khi S sử dụng được 01 hơi ma túy đá xong thì hỏi T bán cho S 01 gói ma túy với giá 150.000 đồng để S mang về nhà sử dụng. T đồng ý. Đến 10 giờ 15 phút ngày 22/12/2024, Công an phường Đ tuần tra trên đoạn đường H giao nhau với Trần Hưng Đ, khu phố T, phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh phát hiện Phạm Thanh Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: WINNERX, mang BS: 70H1-613.07 có biểu hiện nghi vấn nên tổ tuần tra tiến hành ra hiệu lệnh dừng xe kiểm tra, quá trình kiểm tra Q lấy ra từ trong túi quần bên phải phía trước 01 hộp giấy nhỏ màu xám, trong hộp giấy có túi nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể trắng và khai nhận đó là ma túy đá của Q đem đi từ nhà số D khu phố T, phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh để bán cho một người đàn ông có tên “Lò rượ” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) ở phường B, tỉnh Bình Phước. Lực lượng Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật đưa Q về trụ sở làm việc. Tiếp đó, khoảng 10 giờ 30 phút ngày 22/12/2024, Công an phường Đ tiếp tục tuần tra trên đoạn đường H, khi đến con hẻm không tên thuộc tổ A, khu phố T phát hiện Nguyễn Thái S đi bộ ra từ căn nhà địa chỉ 4 khu phố T, phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra thì phát hiện trong túi quần nhỏ bên phải phía trước S đang mặc có một gói nylon miệng kéo dính viền xanh chứa chất tinh thể màu trắng, S khai nhận đó là ma túy đá của S mua được của Đinh Nguyễn Hoàng Kim T tại nhà số D khu phố T, phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh với giá 150.000 đồng để về sử dụng. Lực lượng Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ tang vật, đưa S về trụ sở làm việc.

Căn cứ vào lời khai của Q và S Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiến hành xác minh nhà địa chỉ 49/15, khu phố T, phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, có Đinh Nguyễn Hoàng Kim T; Quách Hải A, Nguyễn Ngọc T2 đang ngồi tại phòng ngủ của T và Q chơi game bên cạnh có 01 nỏ thủy tinh không còn ma túy. Qua

làm việc, T, Q, khai nhận vừa bán và tổ chức cho T2, S, A sử dụng ma túy xong. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Q và T tại địa chỉ 49/15, khu phố T, phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả, tại thời điểm khám xét khám xét thu giữ: 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm 01 bình nhựa, ống hút và nỏ thủy tinh; phía trong hộp bàn của bàn máy tính có 01 cân tiểu ly màu đen không rõ hiệu, 01 cây kéo bằng kim loại, 20 túi nylon miệng kéo dính. Đồng thời Cơ quan Công an lập biên bản bắt người trong trường hợp khẩn cấp đối với T và đưa Nguyễn Ngọc T2; Quách Hải A về trụ sở làm việc.

Quá trình làm việc T và Q khai nhận ngoài lần bán và tổ chức sử dụng ma túy vào ngày 22/12/2024 thì trước đó vào ngày 17, 20/12/2024 Q và T đã bán ma túy cho A, T2, S cũng bằng hình thức cho các đối tượng hút tại nhà để lấy tiền và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Đồng thời, A sử dụng được 3-4 lần (mỗi lần A trả từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng), T2 được 4-5 lần (mỗi lần T2 trả từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng); S được 4-5 lần (mỗi lần A trả từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng) nhưng không nhớ rõ thời gian (lúc thì T nhận tiền, lúc thì Q nhận tiền). Các lần bán ma túy và tổ chức sử dụng tại phòng ngủ thì T đều đồng ý.

Tại bản Kết luận giám định số: 152/KL-KTHS(MT) ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B Kết luận đối với: 01 (một) túi nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể trắng (ký hiệu M1) thu giữ của Phạm Thanh Q; 01 (một) gói nylon miệng kéo dính viền xanh chứa chất tinh thể màu trắng giao (ký hiệu M2) thu giữ của Nguyễn Thái S kết luận giám định như sau: Các chất tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là $M1 = 0,3603$ gam (thu giữ của Q); $M2 = 0,1126$ gam (thu giữ của S).

Kết quả xét nghiệm ma túy thì Q, T, T2, A và S đều dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số: 1002/KL-KTHS ngày 27/02/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định:

- Trong điện thoại di động hiệu Oppo F7 Youth, có số IMEI 1: 869002031614759 của Phạm Thanh Q đăng nhập tên tài khoản “Trangvohinh” (ký hiệu A1) không tìm thấy tin nhắn ứng dụng zalo với tên tài khoản zalo là “Thu” có 100 tin nhắn ứng dụng zalo trong ngày 22/12/2024;

Tại bản kết luận giám định số: 1549/KL-KTHS ngày 03/4/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định:

Xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại C100MP, dung tích xilanh: 97cm^3 , mang biển kiểm soát 63F9 – 1060 có số khung trước giám định C100MP-8008239; Số máy trước giám định C100MPE-8008239. Sau giám định: số khung, số máy nguyên thủy, không phát hiện cát hàn, đục sửa.

*Vật chứng thu giữ; Xử lý vật chứng:

- 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong có chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) thu giữ của Phạm Thanh Q; 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M2) thu giữ của Nguyễn Thái S; số ma túy còn lại sau giám định: $M1 = 0,3063$ gam, $M2 = 0,0730$ gam được niêm phong trong hai bì thư của phòng K1 Công an tỉnh B có ghi số 152M1/PC09; 152M2/PC09.

- 01 điện thoại hiệu Oppo F7 Youth, có số IMEI 1: 869002031614759 thu giữ Phạm Thanh Q sử dụng vào việc liên lạc mua ma túy về sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện;

+ Đối với xe mô tô hai bánh nhãn hiệu:HONDA, số loại: WINNERX, mang biển kiểm soát: 70H1-613.07, Số khung RLHKC440XPY009740; Số máy KC34E5116746 thu giữ của Phạm Thanh Q sử dụng khi bị bắt giữ khi đi bán ma túy, Q khai nhận mượn xe mô tô trên của Quách Hải A . Quá trình điều tra xác minh xác định đúng tên đăng ký xe là anh Nguyễn Hải L2, sinh năm: 1997, HKTT: khu phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Quá trình làm việc xác định anh L2 có đăng ký chủ sở hữu xe mô tô trên, giữa anh L2 và Quách Hải A là quan hệ anh em họ hàng bên ngoại. Vào ngày 22/12/2024 Quách Hải A nói mượn xe của anh L2 để đi công việc ở thành phố D, tỉnh Bình Dương. Việc Q mượn xe của Quách Hải A đi công việc thì anh L2 không biết;

+ Đối với xe mô tô hai bánh nhãn hiệu:HONDA, số loại: C100MP, dung tích xilanh: 97cm³, mang biển kiểm soát 63F9 – 1060, có số khung C100MP-8008239; Số máy: C100MPE-8008239 thu giữ của Nguyễn Thái S dùng để đi mua ma túy về sử dụng. Quá trình điều tra xác định xe này do S mua lại và chủ sở hữu xe là bà Trần Thị C, địa chỉ: số B, Lê Thị Hồng G1, phường D, tỉnh Đồng Tháp. Tiến hành xác minh xác định bà Trần Thị C hiện tại không có mặt tại địa phương đi đâu không rõ do địa chỉ số B, Lê Thị Hồng G1, phường D, tỉnh Đồng Tháp đã giải tỏa vào năm 2006; Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu xe nhưng không tìm được chủ xe.

- 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm 01 bình nhựa, ống hút và nõ thủy tinh 01 cân tiểu ly màu đen không rõ hiệu, 01 cây kéo bằng kim loại, 20 túi nylon miệng kéo dính.

- 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng số seri UM198515; 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng số seri CD19386352 và IH17231979; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng số seri vE19723882.

Tại cáo trạng số: 231/CT-VKS-DA ngày 11 tháng 6 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là khu V, Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo Phạm Thanh Q và Nguyễn Đình Hoàng Kim T4 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 251 và khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Nguyễn Thái S, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, điểm c khoản 2 Điều 251; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Phạm Thanh Q từ 10 năm tù đến 11 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, từ 10 năm tù đến 11 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, đồng thời áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt của 02 tội danh từ 20 năm tù đến 22 năm tù.

- Áp dụng điểm b, điểm c khoản 2 Điều 251; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Hoàng K từ 08 năm tù đến 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, từ 07

năm 06 tháng từ đến 08 năm 06 tháng từ về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, đồng thời áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt của 02 tội danh từ 15 năm 06 tháng từ đến 17 năm 06 tháng từ.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Nguyễn Thái S từ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng từ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong có chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) thu giữ của Phạm Thanh Q; 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M2) thu giữ của Nguyễn Thái S; số ma túy còn lại sau giám định: M1 = 0,3063 gam, M2 = 0,0730 gam được niêm phong trong hai bì thư của phòng K1 Công an tỉnh B có ghi số 152M1/PC09; 152M2/PC09 đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại Oppo F7 Youth, có số IMEI 1: 869002031614759 thu giữ Phạm Thanh Q sử dụng vào việc liên lạc mua ma túy về sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: HONDA, số loại WINNERX, mang biển kiểm soát: 70H1 - 613.07, Số khung RLHKC440XPY009740; Số máy KC34E5116746 thu giữ của Phạm Thanh Q sử dụng khi bị bắt giữ khi bán ma túy, Q khai nhận mượn xe mô tô trên của Quách Hải A. Quá trình điều tra xác minh xác định được tên đăng ký xe là anh Nguyễn Hải L2, sinh năm 1997, HKTT: khu phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Quá trình làm việc xác định anh L2 có đăng ký chủ sở hữu xe mô tô trên, giữa anh L2 và Quách Hải A là quan hệ anh em họ hàng bên ngoại. Vào ngày 22/12/2024 Quách Hải A nói mượn xe của anh L2 để đi công việc ở thành phố D, tỉnh Bình Dương. Việc Q mượn xe của Quách Hải A đi công việc thì anh L2 không biết, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã trả lại xe cho anh L2.

+ Đối với xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: HONDA, số loại: C100MP, dung tích xilanh: 97cm³ mang biển kiểm soát 63F9-1060, số khung C100MP-8008239; Số máy: C100MPE-8008239 thu giữ của Nguyễn Thái S dùng để đi mua ma túy về sử dụng. Quá trình điều tra xác định xe này do S mua lại và chủ sở hữu xe là bà Trần Thị C; địa chỉ: số B, L, phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Tiến hành xác minh xác định bà Trần Thị C hiện không có mặt tại địa phương đi đâu không rõ do địa chỉ số B, L, phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã giải tỏa vào năm 2006; Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu xe nhưng không tìm được chủ xe, do đó đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước.

+ Đối với 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm 01 bình nhựa, ống hút và nõ thủy tinh, 01 cây kéo bằng kim loại, 20 túi nylon miệng kéo dính đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng số seri UM198515; 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng số seri CD19386352 và IH17231979; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng số seri vE19723882 đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước.

+ Đối với số tiền là 1.750.000 đồng mà T4 và Q thu lợi bất chính đề nghị nộp tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thanh Q, Đinh Nguyễn Hoàng Kim T, Nguyễn Thái S không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng đồng thời trong lời nói sau cùng bị cáo Q, T, S xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1] Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 22/12/2024, tại đoạn đường H giao nhau với Trần Hưng Đ, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, Công an phường Đ, thành phố D đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Thanh Q về hành vi tàng trữ 01 gói ma túy loại Methamphetamin có khối lượng 0,3603 gam để đi bán nhằm mục đích kiếm lời, ngoài ra Nguyễn Thanh Q1, Đinh Nguyễn Hoàng Kim T còn có hành vi bán ma túy bằng hình thức thu tiền của các con nghiện để được sử dụng ma túy tại nhà Q1 có địa chỉ số D, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương tổng từ 05 đến 06 lần cho Quách Hải A, Nguyễn Thái S, Nguyễn Ngọc T2 và trực tiếp tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy từ 05 đến 06 lần bằng hình thức cung cấp ma túy, nỏ thủy tinh, địa điểm để Nguyễn Thanh Q1, Đinh Nguyễn Hoàng Kim T, Quách Hải A, Nguyễn Thái S, Nguyễn Ngọc T2 sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của Nguyễn Thanh Q1 và Đinh Nguyễn Hoàng Kim T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy; Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 251; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự

[2.2] Đối với bị cáo Nguyễn Thái S, ngày 22/12/2024 Công an phường Đ tuần tra trên đoạn đường H, khi đến con hẻm không tên thuộc tổ A, khu phố T phát hiện Nguyễn Thái S đi bộ ra từ căn nhà địa chỉ 4 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra thì phát hiện Nguyễn Thái S có hành vi tàng trữ 01 gói ma túy loại Methamphetamin có khối lượng 0,1126 gam để nhằm mục đích sử dụng. Như vậy, hành vi trên của bị cáo Nguyễn Thái S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, Cáo trạng số: 231/CT-VKS-DA ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh) và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy và tổ chức cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì để có ma túy sử dụng, có tiền sử dụng ma túy, mục đích tư lợi của bản thân mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án, bị cáo Q1 và bị cáo T yếu tố đồng phạm trong tội “Tổ chức, sử dụng trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng là giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức. Các bị cáo là người thực hiện trong vụ án, trong đó bị cáo Q1 là người trực tiếp đi mua ma túy, chia nhỏ ma túy, để bán cho các con nghiện, là người trực tiếp đổ ma túy, xào ma túy cho các con nghiện khác sử dụng. Bị cáo T là người thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo Q1 nên mức hình phạt của bị cáo Q1 cao hơn mức hình phạt của bị cáo T.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo Phạm Thanh Q là người có nhân thân xấu thể hiện qua việc bị cáo từng bị kết án, bị xử lý hành vi vi phạm hành chính. Các bị cáo khác là người có nhân thân tốt.

[8] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét các bị cáo phạm tội nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, đã xâm phạm vào sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo Phạm Thanh Q là người từng bị kết án, các bị cáo Đinh Nguyễn Hoàng Kim T và Nguyễn Thái S là người nghiện ma túy đồng thời hành vi phạm tội của các bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*” và theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*” và theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm lưu trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”.

Tuy nhiên, áp dụng hình phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong có chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) thu giữ của Phạm Thanh Q; 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M2) thu giữ của Nguyễn Thái S; số ma túy còn lại sau giám định: M1 = 0,3063 gam, M2 = 0,0730 gam là chất cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại Oppo F7 Youth, có số IMEI 1: 869002031614759 thu giữ Phạm Thanh Q sử dụng vào việc liên lạc mua ma túy về sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: HONDA, số loại WINNERX, mang biển kiểm soát: 70H1 - 613.07, Số khung RLHKC440XPY009740; Số máy KC34E5116746 là của anh Nguyễn Hải L2. Quách Hải A mượn xe của anh L2, sau đó bị cáo Phạm Thanh Q mượn của Quách Hải A. Việc Phạm Thanh Q mượn xe để đi bán ma túy anh L2 không biết, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã trả lại xe cho anh Nguyễn Hải L2 là đúng quy định pháp luật.

+ Đối với xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: HONDA, số loại: C100MP, dung tích xilanh: 97cm³ mang biển kiểm soát 63F9-1060, số khung C100MP-8008239; Số máy: C100MPE-8008239 thu giữ của Nguyễn Thái S dùng để đi mua ma túy về sử dụng. Quá trình điều tra xác định xe này do S mua lại và chủ sở hữu xe là bà Trần Thị C. Tiến hành xác minh xác định bà Trần Thị C hiện không có mặt tại địa phương đi đâu không rõ và do địa chỉ số B, L, phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã giải tỏa vào năm 2006; Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu xe nhưng không tìm được chủ xe, **do đó cần giao xe cho cơ quan điều tra Công an Thành phố H tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định.**

+ Đối với 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm 01 bình nhựa, ống hút và nõ thủy tinh, 01 cây kéo bằng kim loại, 20 túi nylon miệng kéo dính không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng số seri UM198515; 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng số seri CD19386352 và IH17231979; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng số seri vE19723882 thu giữ của bị cáo Q, đây là số tiền bị cáo có được từ việc mua, bán trái phép chất ma túy nên sung công quỹ Nhà nước.

+ Buộc bị cáo Phạm Thanh Q và bị cáo Đinh Nguyễn Hoàng Kim T nộp số tiền thu lợi bất chính khi mua, bán ma túy vào công quỹ nhà nước là 1.750.000 đồng.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là phù hợp, tuy nhiên về hình phạt đối với bị cáo Q có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo Q mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng không làm ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương đồng thời cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo.

[11] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm

2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

1.1. Áp dụng điểm b, điểm c khoản 2 Điều 251 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thanh Q 09 (tám) 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1.2. Áp dụng; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thanh Q 09 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

1.3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tổng hợp hình phạt cả 02 tội, buộc bị cáo Phạm Thanh Q phải chấp hành hình phạt chung là 19 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 22/12/2024.

2. Tuyên bố bị cáo Đinh Nguyễn Hoàng Kim T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2.1. Áp dụng điểm b, điểm c khoản 2 Điều 251 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Đinh Nguyễn Hoàng Kim T 08 (tám) tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2.2. Áp dụng; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Đinh Nguyễn Hoàng Kim T 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2.3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tổng hợp hình phạt cả 02 tội, buộc bị cáo Đinh Nguyễn Hoàng Kim T phải chấp hành hình phạt chung là 16 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 22/12/2024.

3. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái S 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù được tính từ ngày 22/12/2024.

4. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; điểm a, c khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

4.1 Tịch thu để sung vào Ngân sách Nhà nước gồm: 01 (một) điện thoại hiệu OPPO F7 Youth, có số IMEI 1: 869002031614759 và IMEI 2: 69002031614742; Số tiền 150.000 đồng.

4.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) túi nylon miệng kéo dính chứa khối lượng ma túy M1=0,3063 gam; 01 (một) túi nylon miệng kéo dính chứa khối lượng ma túy M2=0.0730 gam; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 bình nhựa, ống hút và nõ thủy tinh; 01 cân tiểu ly màu đen không rõ hiệu; 01 cây kéo bằng kim loại; 20 (hai mươi) túi nilon miệng kéo dính; 01 sim số 0903176632.

4.3. 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại C100MP, dung tích xi lanh 97cm³, mang biển kiểm soát: 63F9-1060, số khung C100MP-8008239; số máy: C100MPE-008239 **giao cho cơ quan điều tra Công an Thành phố H tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định.**

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An ngày 12/6/2025 và lệnh thanh toán ngày 12/6/2025).

Buộc bị cáo Phạm Thanh Q và bị cáo Đinh Nguyễn Hoàng Kim T nộp số tiền thu lợi bất chính khi mua, bán ma túy vào công quỹ nhà nước là 1.750.000 đồng.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Thanh Q, Đinh Nguyễn Hoàng Kim T, Nguyễn Thái S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Khu vực 16, TP.HCM;
- Phòng THA dân sự Khu vực 16, TP.HCM;
- Trại tạm giam CA TP.HCM;
- TAND Khu vực 16, TP.HCM;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 06 CA TP.HCM;
- Phòng PC 10 CA TP.HCM;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.HCM;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Thị Uyên